

Bài học ngày 28.2.2023

TÁC ĐỘNG CỦA PHIÊN NÃO, NGHIỆP, QUẢ Kinh Bhūmija (Bhūmijasuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (a) - Phẩm Mười Lục (S. ii, 37)

Có nhiều cách trình bày giáo lý duyên khởi. Hoặc gần hoặc xa. Hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Khi nói về nguyên nhân của khổ đau và hạnh phúc, Phật pháp nhấn mạnh duyên tạo chứ không nói ai tạo. Những tác động trùng trùng duyên khởi là một soi sáng quan trọng của giáo lý vô ngã. Cách giảng về duyên sinh qua ba nghiệp thân, ngữ, ý là một góc nhìn khác giống như khi nói về ngũ uẩn và duyên khởi. Cách nói này cũng có một số ý nghĩa thực dụng đối với hành giả tu tập thiền quán.



Kinh Văn

Sāvattھیyaṃ viharati. Atha kho āyasmā bhūmijo sāyanhasamayāṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā sārīputto tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā āyasmatā sārīputtena saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisīno kho āyasmā bhūmijo āyasmantaṃ sārīputtaṃ etadavoca –

“Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkataṃ sukhadukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā paraṃkataṃ sukhadukkhaṃ paññapenti. Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paraṃkatañca sukhadukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti. Idha no, āvuso sārīputta, bhagavā kiṃvādī kimakkhāyī, kathaṃ byākaramānā ca mayaṃ vuttavādino ceva bhagavato assāma, na ca bhagavantaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā”ti?

Ngự ở Sāvatti.

Bấy giờ vào một buổi chiều, Tôn giả Bhūmija từ nơi độc cư tịnh mặc đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi nói lên những lời thăm hỏi thân thiện rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Bhūmija nói với Tôn giả Sāriputta:

-- Này Hiền giả Sāriputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Sāriputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Hiền giả Sāriputta, vậy Đức Thế Tôn thuyết như thế nào, dạy thế nào về điểm này? Và (nếu được hỏi) chúng tôi trả lời như thế nào để gọi là nói đúng lời Đức Thế Tôn chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp chúng tôi trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Paṭṭicasamuppannaṃ kho, āvuso, sukhadukkhaṃ vuttaṃ bhagavatā. Kim paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva bhagavato assa, na ca bhagavantaṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

-- Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói khổ lạc do duyên mà sanh. Duyên ấy là gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là nói đúng lời Đức Thế Tôn chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp chúng tôi trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamaṅkāraṃ apamaṅkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, tadapi phassapaccayā.

Ở đây, này Hiền giả, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những

sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh; khổ lạc ấy chính do duyên xúc.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam sukhadukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te...pe. ... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāram aparamkāram adhiccasamuppannam sukhadukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjatī”ti.

Này Hiền giả, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ lạc do tự mình làm; những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm; những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm; những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ lạc do tự nhiên sanh, ở mỗi trường hợp họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc.

Assosi kho āyasmā ānando āyasmato sārīputtassa āyasmatā bhūmijena saddhiṃ imaṃ kathāsallāpaṃ. Atha kho āyasmā ānando yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisīno kho āyasmā ānando yāvatako āyasmato sārīputtassa āyasmatā bhūmijena saddhiṃ ahosi kathāsallāpo taṃ sabbaṃ bhagavato ārocesi.

“Sādhu sādhu, ānanda, yathā taṃ sārīputto sammā byākaramāno byākareyya. Paṭiccasamuppannam kho, ānanda, sukhadukkham vuttam mayā. Kim paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadam vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānam āgaccheyya.

Tôn giả Ānanda nghe được câu chuyện giữa Tôn giả Sārīputta với Tôn giả Bhūmija. Tôn giả đi đến Đức Thế Tôn. Sau khi đánh lễ rồi thuật lại câu chuyện đối thoại ra giữa Tôn giả Sārīputta và Tôn giả Bhūmija.

[Đức Thế Tôn dạy như sau]:

-- Lành thay, lành thay, này Ānanda! Ai trả lời như vậy là trả lời một cách chơn chánh sẽ nói như Sārīputta. Này Ānanda, Ta nói rằng khổ lạc do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là nói đúng lời Ta thuyết chứ không xuyên

tạc hay nói sai sự thật. Pháp trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam sukhadukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāram aparaṃkāram adhiccasamuppannam sukhadukkham paññapenti tadapi phassapaccayā.

Này Ānanda, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm; khổ lạc ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh; khổ lạc ấy chính do duyên xúc.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam sukhadukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇākammavādā asayaṃkāram aparaṃkāram adhiccasamuppannam sukhadukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati.

Này Ānanda, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ lạc do tự mình làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ lạc không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ lạc do tự nhiên sanh, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc.

“Kāye vā hānanda, sati kāyasañcetanāhetu uppajjati ajjhattam sukhadukkham. Vācāya vā hānanda, sati vacīsañcetanāhetu uppajjati ajjhattam sukhadukkham. Mane vā hānanda, sati manosañcetanāhetu uppajjati ajjhattam sukhadukkham avijjāpaccayā ca.

Này Ānanda, chỗ nào có thân, do thân tư niệm nên nội tại sanh khởi lạc khổ.
Chỗ nào có khẩu, do khẩu tư niệm nên nội tại sanh khởi lạc khổ.
Chỗ nào có ý, do ý tư niệm nên nội tại sanh khởi lạc khổ.

(Cả ba trường hợp) đều do vô minh chinh phối.

“Sāmaṃ vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti, yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Pare vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisaṅkharonti, yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sampajāno vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Asampajāno vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

Này Ānanda, hoặc do chính mình tạo ra thân hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay người khác tác động tạo ra thân hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi.

Này Ānanda, do cố ý tạo ra thân hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay vô tình tạo ra thân hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi.

“Sāmaṃ vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Pare vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisaṅkharonti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sampajāno vā taṃ, ānanda...pe... asampajāno vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

Này Ānanda, hoặc do chính mình tạo ra khẩu hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay người khác tác động tạo ra khẩu hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi.

Này Ānanda, do cố ý tạo ra khẩu hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay vô tình tạo ra khẩu hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi.

“sāmaṃ vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. pare vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisaṅkharonti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. sampajāno vā taṃ, ānanda ... pe ... asampajāno vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

Này Ānanda, hoặc do chính mình tạo ra ý hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay người khác tác động tạo ra ý hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi.

Này Ānanda, do cố ý tạo ra ý hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi; hay vô tình tạo ra ý hành khiến khổ lạc nội tại sanh khởi

“Imesu, ānanda, dhammesu avijjā anupatitā. Avijjāya tveva, ānanda, asesavirāganīrodhā so kāyo na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sā vācā na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. So mano na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Khettaṃ taṃ na hoti...pe... vatthu taṃ na hoti...pe... āyatanam taṃ na hoti...pe... adhikaraṇam taṃ na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkha”nti. Pañcamaṃ.

Này Ānanda, vô minh ngự trị trong cả sáu pháp này.

Nhưng với sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, thân ấy không hiện hữu vốn bị chi phối bởi khổ lạc sanh khởi nội tại.

Nhưng với sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, khẩu ấy không hiện hữu vốn bị chi phối bởi khổ lạc sanh khởi nội tại.

Nhưng với sự ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, ý ấy không hiện hữu vốn bị chi phối bởi khổ lạc sanh khởi nội tại.

(Do vậy, thân hành, khẩu hành, ý hành) không là thừa ruộng, không phải là cơ sở, không là căn cứ, không là nền tảng cho duyên tạo khiến khổ lạc sanh khởi nội tại.

Chú Thích

Tôn giả Bhūmija là một trong những người bạn thời niên thiếu của Tôn giả Sāriputta. Vị này là cậu ruột của hoàng tử Jāsasena.

Ngoại giáo cũng có lập thuyết nghiệp báo (kammavādā) nhưng tất cả đều xoay chung quanh người tạo tác khổ vui (chính mình hay người khác). Đức Phật dạy khổ đau và hạnh phúc do duyên. Duyên ấy bao gồm mầu chốt như được đề cập trong thập nhị nhân duyên.

Đối thoại giữa Tôn giả Sāriputta với Tôn giả Bhūmija giống như bài kinh trước nhưng thay vì nói khổ do ai tạo thì ở đây đề cập cả hai khổ và lạc. (hạnh phúc và khổ đau)

Trong phần giảng dạy của Đức Phật, không chỉ nói khổ lạc do duyên xúc mà Ngài còn đi xa hơn nói về hành với thân tư niệm, khẩu tư niệm, ý tư niệm và hành do duyên vô minh. Khổ lạc ở đây theo Sớ giải thuộc quả dị thực (vipākasukhadukkha). Nói cách khác thì duyên khởi ở đây được trình bày gồm cả vô minh duyên hành, hành duyên thức ...

Thân hành, khẩu hành, ý hành (kāyasaṅkhāra, vacīsaṅkhāra, manosaṅkhāra) ở đây đặc biệt nói về thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

Theo Sớ giải thì khi Đức Phật dạy nghiệp do tự thân tạo tác (sāmaṇi) là đề cập “tâm vô trợ - asaṅkhārikacitta” và nghiệp tạo do người khác tác động là tâm hữu trợ - sasaṅkhārikacitta” như được dạy theo Thắng Pháp Abhidhamma.

Cũng theo Sớ giải thì hành động cố ý (sampajāno) chỉ cho sự tạo tác với ý thức rõ về nghiệp và quả. Ngược lại hành động vô ý (asampajāno) là hành động không có ý thức về nhân quả.

Sớ giải ghi rằng “Này Ānanda, vô minh ngự trị trong cả sáu pháp này - Imesu, ānanda, dhammesu avijjā anupatitā” chỉ cho sự tác động trực tiếp, mà trong Thắng pháp gọi là “cận y duyên (upanissaya-paccayo).

Tỳ khuru Giác Đăng soạn dịch

5. Bhūmijasuttaṃ

25. Sāvattṭhiyaṃ viharati. Atha kho āyasmā bhūmijo sāyanhasamayam paṭisallānā vuttḥito yenāyasmā sārīputto tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā āyasmatā sārīputtena saddhiṃ sammodi. Sammodanīyam katham saraṇīyam vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā bhūmijo āyasmantaṃ sārīputtaṃ etadavoca –
“Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam sukhadukkham paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā paramkataṃ sukhadukkham paññapenti. Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paramkatañca sukhadukkham paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāraṃ aparamkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkham paññapenti. Idha no, āvuso sārīputta, bhagavā kimvādī kimakkhāyī, katham byākaramānā ca mayam vuttavādino ceva bhagavato assāma, na ca bhagavantaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā”ti?

“Paṭicasamuppannaṃ kho, āvuso, sukhadukkham vuttaṃ bhagavatā. Kim paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva bhagavato assa, na ca bhagavantaṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkamaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, tadapi phassapaccayā.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkamaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te...pe. ... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati”ti.

Assosi kho āyasmā ānando āyasmato sārīputtassa āyasmatā bhūmijena saddhim imaṃ kathāsallāpaṃ. Atha kho āyasmā ānando yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā ānando yāvatako āyasmato sārīputtassa āyasmatā bhūmijena saddhim ahoṣi kathāsallāpo taṃ sabbaṃ bhagavato ārocesi.

“Sādhu sādhu, ānanda, yathā taṃ sārīputto sammā byākaramāno byākareyya. Paṭicasamuppannaṃ kho, ānanda, sukhadukkhaṃ vuttaṃ mayā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkamaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkamaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ sukhadukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati.

“Kāye vā hānanda, sati kāyasañcetanāhetu uppajjati ajjhattaṃ sukhadukkhaṃ. Vācāya vā hānanda, sati vacīsañcetanāhetu uppajjati ajjhattaṃ sukhadukkhaṃ. Mane vā hānanda, sati manosañcetanāhetu uppajjati ajjhattaṃ sukhadukkhaṃ avijjāpaccayā ca.

“Sāmaṃ vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti, yaṃpaccayāssa [yaṃpaccayāya (syā. ka.), yaṃpaccayā yaṃ (ka.)] taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Pare vā taṃ [pare vāssa taṃ (sī. pī.), pare vāyatam (syā. ka.)], ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharonti, yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sampajāno vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Asampajāno vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

“Sāmaṃ vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Pare vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisāṅkharonti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sampajāno vā taṃ, ānanda...pe... asampajāno vā taṃ, ānanda, vacīsaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

“Sāmaṃ vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Pare vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisāṅkharonti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sampajāno vā taṃ, ānanda...pe... asampajāno vā taṃ, ānanda, manosaṅkhāraṃ abhisāṅkharoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ.

“Imesu, ānanda, dhammesu avijjā anupatitā. Avijjāya tveva, ānanda, asesavirāganirodhā so kāyo na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Sā vācā na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. So mano na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkhaṃ. Khettaṃ taṃ na hoti...pe... vatthu taṃ na hoti...pe... āyatanam taṃ na hoti...pe... adhikaraṇam taṃ na hoti yaṃpaccayāssa taṃ uppajjati ajjhataṃ sukhadukkha’nti. Pañcamaṃ.

5. Bhūmijasuttavaṇṇanā

25-26. Pañcame **bhūmijoti** tassa therassa nāmaṃ. Sesamidhāpi purimasutte vuttanayeneva veditabbaṃ. Ayaṃ pana viseso – yasmā idaṃ sukhadukkhaṃ na kevalaṃ phassaṃpaccayā uppajjati, kāyenapi kariyamānaṃ karīyati, vācāyapi manasāpi, attanāpi kariyamānaṃ karīyati, parenapi kariyamānaṃ karīyati, sampajānenapi kariyamānaṃ karīyati, asampajānenapi, tasmā tassa aparaṃpī paccayavisesaṃ dassetaṃ **kāye vā hānanda, satītiādīmāha. Kāyasañcetanāhetūti** kāyadvāre uppannacetanāhetu. Vacīsañcetanāmanosañcetanāsūpi eseva nayo. Ettha ca kāyadvāre kāmāvacarakusalākusalavasena vīsati cetanā labbhanti, tathā

vacīdvāre. Manodvāre navahi rūpārūpacetanāhi saddhiṃ ekūnatimsāti tīsu dvāresu ekūnasattati cetanā honti, tappaccayaṃ vipākasukhadukkhaṃ dassitaṃ. **Avijjāpaccayā cāti** idaṃ tāpi cetanā avijjāpaccayā hontīti dassanattamaṃ vuttaṃ. Yasmā pana taṃ yathāvuttacetanābhedaṃ kāyasaṅkhāraṅceva vacīsaṅkhāraṅca manosaṅkhāraṅca parehi anussāhito sāmamaṃ asaṅkhārikacittena karoti, parehi kāriyamāno sasaṅkhārikacittenaṃpi karoti, “idaṃ nāma kammaṃ karoti, tassa evarūpo nāma vipāko bhavissatī”ti, evamaṃ kammaṅca vipākaṅca jānantopi karoti, mātāpitūsu cetiyavandanādīni karontesu anukarontā dāraḷā viya kevalamaṃ kammameva jānanto “imassa pana kammassa ayaṃ vipāko”ti vipākaṃ ajānantopi karoti, tasmā taṃ dassetaṃ **sāmamaṃ vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāraṃ abhisāṅkharotīti**ādi vuttaṃ.

Imesu, ānanda, dhammesūti ye ime “sāmamaṃ vā taṃ, ānanda, kāyasaṅkhāra”ntiādīsū catūsū thānesū vuttā chasattati dvesatā cetanādhamaṃ, imesu dhammesū avijjā upanissayaḷoṭiyā anupatitā. Sabbepi hi te “avijjāpaccayā saṅkhārā”ti etheva saṅgamaṃ gacchanti. Idāni vivaṭṭamaṃ dassento **avijjāya tvevāti**ādimaḷa. **So kāyo na hotīti** yasmaṃ kāye sati kāyasaṅcetanāpaccayaṃ ajjhattamaṃ sukhadukkhaṃ uppajjati, so kāyo na hoti. Vācāmanesupī eseva nayo. Apica kāyoti cetanākāyo, vācāpi cetanāvācā, manopi kammamanoyeva. Dvāraḷāyo vā kāyo. Vācāmanesupī eseva nayo. Khīṅāsavo cetiyamaṃ vandati, dhammaṃ bhaṇati, kammaṭṭhānaṃ manasi karoti, kathamassa kāyādayo na hontīti? Avipākaṭṭā. Khīṅāsavena hi kataṃ kammaṃ neva kusamaṃ hoti nākusamaṃ. Avipākaṃ hutvā kiriyāmatte tiṭṭhati, tenassa te kāyādayo na hontīti vuttaṃ.

Khattamaṃ taṃ na hotītiādīsūpi viruḷanaṭṭhena taṃ khattamaṃ na hoti, patiṭṭhānaṭṭhena vatthu na hoti, paccayaṭṭhena āyatanaṃ na hoti, kāraṇaṭṭhena adhikaraṇamaṃ na hoti. Saṅcetanāmūlakaṅhi ajjhattamaṃ sukhadukkhaṃ uppajjeyya, sā saṅcetanā etesaṃ viruḷanādīnaṃ atthānaṃ abhāvena tassa sukhadukkhasa neva khattamaṃ, na vatthu na āyatanaṃ, na adhikaraṇamaṃ hotīti. Imasmaṃ sutte vedanādīsū sukhadukkhameva kathitaṃ, taṅca kho vipākamevāti. Paṅcamaṃ.

Chatṭhamaṃ upavāṅasuttaṃ uttānameva. Ettha pana vaṭṭadukkhameva kathitanti. Chatṭhamaṃ.